



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC**

Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN  
VÀ CÔNG TY CON**

**AISC**

**ACCOMPANY WITH BUSINESS**

# CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 38

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn (“Công ty”) và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 11 ngày 5 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở hoạt động của Công ty : Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Hệ thống các chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc Công ty:

- Văn Phòng Đại Diện thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 4123000781 ngày 24 tháng 07 năm 2002.

Địa chỉ: 371P. Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

- Văn Phòng Đại Diện tại Hà Nội.

Địa chỉ: 34 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội.

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Bắc Ninh thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004.(Đăng ký thay đổi lần 1, ngày 27 tháng 07 năm 2007).

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đại Đồng Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Chi nhánh Tân Tạo – Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113026781 ngày 04 tháng 04 năm 2007.

Địa chỉ: Lô 9, Đường C, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

- Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

- Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

- Sản xuất, mua bán phần mềm.

- Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

- Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

- Đào tạo dạy nghề.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở).
- Đại lý cung cấp bưu chính viễn thông.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện kế 35KV.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi.
- Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại tp. Hồ Chí Minh).
- Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập Internet tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

### **2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tập đoàn đang tại chức đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Thành Tâm	: Chủ tịch HĐQT
Ông Chung Trí Phong	: Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	: Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	: Ủy viên HĐQT
Ông Đặng Nhật	: Ủy viên HĐQT

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Ngô Thị Phương Thủy	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Chí Cường	: Thành viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Xuân : Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Đặng Thị Hoàng Phương : Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Ngọc Huy : Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Hương : Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Hoàng : Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuyên : Phó Tổng Giám đốc

Ông Đào Hùng Tiến : Phó Tổng Giám đốc – Kiểm Giám đốc CN Bắc Ninh

Ông Hoàng Sĩ Hóa : Phó Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Lan Hương : Giám đốc CN Tân Tạo

#### **Kế toán trưởng**

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh : Kế toán trưởng Công ty

Ông Phạm Phúc Hiếu : Kế toán trưởng CN Bắc Ninh

Bà Lê Thị Xuân Là : Kế toán trưởng CN Tân Tạo

Bà Lê Thị Thu Hằng : Kế toán trưởng Công ty CP Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

### 3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2008

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP.Hồ Chí Minh (AISC)

**- Lãi (Lỗ) sau thuế TNDN: 73.425.751.094VND**

*Trong đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số 3.067.492VND*

*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 73.422.683.602VND*

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn.

### 5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Tập đoàn đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Tập đoàn kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Tập đoàn sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Tập đoàn, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Tập đoàn bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Tập đoàn được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

### 6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Báo cáo tài chính của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



*Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009*



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 0409132HN/AISC-DN1

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn, từ trang 7 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm số liệu của các công ty liên kết được nêu tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục V.8.2, do các công ty này mới thành lập và đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009*

**Kiểm toán viên**



**Phạm Thị Hồng Uyên**  
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

**Tổng Giám Đốc**



**Phạm Văn Vinh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tập đoàn 31/12/2008</b>	<b>Tập đoàn 01/01/2008</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>216,606,801,616</b>	<b>353,498,369,974</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14,177,156,116</b>	<b>10,853,224,389</b>
1. Tiền	111		14,177,156,116	10,853,224,389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		40,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>121,198,882,365</b>	<b>137,380,850,282</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>V.3.1</b>	43,678,713,552	7,647,637,156
2. Trả trước cho người bán	132	<b>V.3.2</b>	3,192,686,968	66,143,569,459
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.3.3</b>	74,327,481,845	63,589,643,667
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>20,898,934,585</b>	<b>185,146,938,616</b>
1. Hàng tồn kho	141		20,898,934,585	185,146,938,616
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>20,331,828,550</b>	<b>20,117,356,687</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.5.1</b>	188,295,202	103,786,305
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.5.2</b>	11,647,201,185	19,238,076,129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.5.3</b>	8,496,332,163	775,494,253
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,002,210,040,756</b>	<b>857,720,409,507</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.6</b>	<b>235,385,512,379</b>	<b>150,598,172,150</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.6.1</b>	47,994,345,921	49,564,669,558
- Nguyên giá	222		56,459,152,376	57,693,037,586
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,464,806,455)	(8,128,368,028)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.6.2</b>	<b>1,500,062,213</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	228		1,557,922,812	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57,860,599)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.7</b>	185,891,104,245	101,033,502,592

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b><u>Tập đoàn</u> 31/12/2008</b>	<b><u>Tập đoàn</u> 01/01/2008</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>742,290,737,000</b>	<b>706,322,737,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>V.8.1</b>	135,690,000,000	120,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>V.8.2</b>	52,805,212,000	44,077,712,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>V.8.3</b>	553,795,525,000	542,245,025,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.9</b>	<b>24,533,791,377</b>	<b>799,500,357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.9.1</b>	23,752,330,450	519,735,749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>V.9.2</b>	781,460,927	279,764,608
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,218,816,842,372</b>	<b>1,211,218,779,481</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tập đoàn	
			31/12/2008	01/01/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>541.909.562.373</b>	<b>609.640.642.910</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.10</b>	<b>410.989.954.451</b>	<b>519.996.263.627</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	40.693.090.909	148.537.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.10.2	18.322.264.237	1.809.508.632
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10.3	47.068.857.761	15.986.996.436
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.4	2.244.794.025	44.080.490.093
5. Phải trả công nhân viên	315		1.673.343.617	462.832.930
6. Chi phí phải trả	316	V.10.5	141.510.747.456	126.590.466.156
7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.6	159.476.856.446	182.528.969.380
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.11</b>	<b>130.919.607.922</b>	<b>89.644.379.283</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.11.1	1.449.698.831	1.716.930.586
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.11.2	129.469.909.091	87.927.448.697
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>676.907.279.999</b>	<b>601.578.136.571</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>672.914.053.234</b>	<b>601.491.419.632</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		585.000.000.000	450.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		(50.000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		87.914.103.234	151.491.419.632
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.13</b>	<b>690.159.273</b>	<b>86.716.939</b>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		690.159.273	86.716.939
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>3.303.067.492</b>	<b>-</b>
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	521		3.303.067.492	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>1.218.816.842.372</b>	<b>1.211.218.779.481</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>	<u>Tập đoàn</u>
			<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.084.205.384.924	851.215.587.725
2. Các khoản giảm trừ	02		222.808.042.300	-
3. Doanh thu thuần	10		861.397.342.624	851.215.587.725
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	791.611.355.652	683.511.665.573
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		69.785.986.972	167.703.922.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.797.941.382	2.289.131.932
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.842.453.401	1.491.611.808
Trong đó: chi phí lãi vay phải trả	23		1.173.605.615	1.215.070.126
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	171.506.465	295.248.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.799.225.388	3.546.868.247
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		74.770.743.100	164.659.325.357
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.439.298.743	714.535.809
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.315.005.574	56.196.735
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		124.293.169	658.339.074
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	33		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		74.895.036.269	165.317.664.431
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.469.285.175	28.628.026.633
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=51-52)	60		73.425.751.094	136.689.637.798
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.067.492	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		73.422.683.602	136.689.637.798
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.417	3.813

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tập đoàn Năm 2008</b>	<b>Tập đoàn Năm 2007</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>74,895,036,269</b>	<b>165,317,664,431</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	4,034,930,907	2,644,052,595
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21,442,089,295)	(2,225,326,060)
- Chi phí lãi vay	06	1,173,605,615	1,215,070,126
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu độ</b>	08	<b>58,661,483,496</b>	<b>166,951,461,092</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	120,984,146,901	(175,601,522,406)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	164,248,004,031	(147,763,092,435)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(214,342,234,958)	410,803,075,992
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(23,333,685,191)	(406,636,882)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,173,605,615)	(1,215,070,126)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30,970,257,958)	(354,624,799)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	603,442,334	551,245,011
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>74,677,293,040</b>	<b>252,964,835,447</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(96,141,596,356)	(125,548,771,589)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7,315,644,445	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(40,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(32,668,000,000)	(700,422,737,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21,442,089,295	2,225,326,060
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(140,051,862,616)</b>	<b>(823,746,182,529)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	134,999,950,000	400,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của DN	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	156,216,090,909	221,705,388,353
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(222,517,539,606)	(31,693,324,003)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Tập đoàn	
		Năm 2008	Năm 2007
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(10.130.908.278)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<u>68.698.501.303</u>	<u>579.881.156.072</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<u>3.323.931.727</u>	<u>9.099.808.990</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.853.224.389	1.753.415.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u><u>14.177.156.116</u></u>	<u><u>10.853.224.389</u></u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

**1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 05 tháng 12 năm 2007) do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: 630,000,000,000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2008 là: 585,000,000,000 VNĐ

Trụ sở chính Công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

**2 Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

Sản xuất, mua bán phần mềm.

Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

Đào tạo dạy nghề.

Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).

Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.

Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập internet tại trụ sở).

Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử ( không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).

Môi giới thương mại

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển

- Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử.

- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet .

- Quảng cáo thương mại. Mua bán thẻ các loại. Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Sản xuất, gia công, mua bán, tư vấn phần mềm vi tính.

### 3 Công ty con

#### **Tổng số các Công ty con: 03 đơn vị**

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 đơn vị

Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

Địa chỉ: 65-65A Đường 3/2, Phường 11, Quận10, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 16.500.000.000 tỷ đồng chiếm 55% so vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%

Số lượng các Công ty con chưa được hợp nhất: 02 đơn vị (mới được thành lập, đang trong giai đoạn triển khai hoạt động)

1. Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel

Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 81.600.000.000 tỷ đồng chiếm 51% so vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

2. Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 104.000.000.000 tỷ đồng chiếm 52% so vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 52%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52%

#### **Tổng số các Công ty liên kết, liên doanh: 02 đơn vị**

1. Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Địa chỉ: 11 Tú Xương, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM.

Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 134/ĐK-KHCN, cấp ngày...Vốn điều lệ của Viện là 5.000.000.000VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty Cổ Phần Saigontel là 3.005.212.000VNĐ.

Tỷ lệ lợi ích : 50%

2 Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam

Địa chỉ: 38 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty Saigontel là 80.000.000.000 VNĐ chiếm 40% so với vốn điều lệ của Công ty Viễn Đông.

Tỷ lệ lợi ích : 40%

### 4 Tổng số công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty là: 220 người.

*Trong đó: Nhân viên quản lý: 40 người.*

## II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 14 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. các niên độ sau bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Công ty mẹ

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Công ty con

Niên độ kế toán của Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng, qui đổi ngoại tệ

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 Năm 2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

### 2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

**3 Hình thức kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

**VI CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con quan trọng. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con được hợp nhất áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

**2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2008 là 16.977VND/USD.

**3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

**4 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5 Ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình**

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

**7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc do các công ty liên kết mới thành lập và đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.

### 8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư ngắn hạn ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### 9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

### 10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng.

### 11 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### 12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

#### 12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí về công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

#### 12.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí ban đầu của các dự án, chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử, sửa chữa lớn ..... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

#### Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

### 13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác,...

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hoạt động} \\ \text{cho thuê} \\ \text{đất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Diện tích đất cho} \\ \text{thuê trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá vốn/1m}^2 \text{ đất cho} \\ \text{thuê theo dự toán đầu tư} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ (\%)} \text{ ghi nhận} \\ \text{doanh thu trong kỳ} \\ \text{so với tổng giá trị} \\ \text{thực hiện hợp đồng} \end{array}$$

Trong đó: Đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng Hoàn Sơn là 370.000 đ/m<sup>2</sup> diện tích đất thương phẩm.

**14 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu về các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng:** được xác định là giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được chiết khấu theo lãi suất chiết khấu có hiệu lực trên thị trường khi đất và đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được giao cho khách hàng trên thực tế.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Theo Nghị Định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thông Tư Hướng dẫn số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính thì Công ty thực hiện các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

**Đối với Văn phòng công ty**

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2008 là năm thứ 3 được miễn 50% thuế TNDN.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh**

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 28%.
- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Công ty đã chọn phương pháp xác định doanh thu chịu thuế là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm do vậy theo quy định tại Tiết h Điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

**Đối với Chi Nhánh Tân Tạo**

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế.

**Đối với Công ty con**

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế.

**Cách chính sách thuế khác**

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

**17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2008</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2008</u>
Tiền mặt tại quỹ	5,578,484,572	544,060,440
Tiền gửi Ngân hàng	8,598,671,544	10,309,163,949
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14,177,156,116</u></b>	<b><u>10,853,224,389</u></b>

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2008</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2008</u>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40,000,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>40,000,000,000</u></b>	<b><u>-</u></b>

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2008</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2008</u>
--	--------------------------------------	--------------------------------------

3.1 Phải thu khách hàng

Khách hàng trong nước	43,678,713,552	7,647,637,156
Công ty điện tử truyền số liệu	2,329,897,419	2,329,897,419
Trung tâm công nghệ phần mềm Đà Nẵng	991,441,839	991,441,839
Ban quản lý Dự án PTHH các Đài TTDH Việt Nam	808,797,660	858,987,660
Công ty CP Khu Công nghiệp Tân Tạo	-	531,800,445
Công ty TNHH SXKD nhà Nhật Minh	910,581,094	-
Nguyễn Thị Thanh Loan	28,224,000,000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Kinh Bắc	6,323,559,036	1,967,671,850
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc	3,000,000,000	-
Công ty TNHH Hayakawa Electronics Viet Nam	280,138,500	-
Đối tượng khác	810,298,004	967,837,943
<b>Cộng</b>	<b><u>43,678,713,552</u></b>	<b><u>7,647,637,156</u></b>

3.2 Trả trước người bán

Khách hàng trong nước	3,192,686,968	66,143,569,459
Công ty CP Phát triển Đô Thị Sài Gòn - Tây Bắc	-	56,392,000,000
Công ty FIS	-	2,012,626,440
Công ty TNHH Thương Nhật	-	1,139,274,180
Công ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại Thái Khang	242,700,000	242,700,000
Công ty Tân Thành Vinh	322,503,828	222,503,828
Công ty TNHH DV và QC Tân Danh Nhân	834,656,360	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc	1,491,162,780	1,491,162,780
Chi nhánh Công ty Cửu Long tại Bắc Ninh	-	624,088,000
Công ty Tư vấn và Khảo sát Trắc địa Thanh Hà	-	730,000,000
Công ty Xây dựng Tiên Du	-	771,450,000
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường	40,000,000	40,000,000
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tại Bắc Ninh	-	80,000,000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

UBND Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh	-	2,000,000
Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật trường ĐH Mở Địa chất	78,064,000	-
Trung tâm hỗ trợ phát triển Khoa học Kỹ thuật	30,000,000	-
Khách hàng khác	153,600,000	2,395,764,231
<b>Cộng</b>	<b>3,192,686,968</b>	<b>66,143,569,459</b>
<b>3.3 Phải thu khác</b>		
Lê Nho Ba	-	15,000,000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	69,853,091,517	58,676,575,684
Ban Quản lý Dự án	485,107,000	485,107,000
Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3,919,091,328	3,919,091,328
Công ty Sinh Việt	-	493,869,655
Nhân viên công ty	40,550,000	-
Các đối tượng khác	29,642,000	-
<b>Cộng</b>	<b>74,327,481,845</b>	<b>63,589,643,667</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>121,198,882,365</b>	<b>137,380,850,282</b>
<b>3.4 Dự phòng phải thu khó đòi (-)</b>		
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	-	-
	<b>121,198,882,365</b>	<b>137,380,850,282</b>
<b>4 Hàng tồn kho</b>		
	<b>Tập đoàn</b>	<b>Tập đoàn</b>
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Nguyên liệu, vật liệu	38,186,402	38,186,402
Hàng hoá	15,165,667,656	173,783,257,434
Chi phí sản xuất dở dang	5,695,080,527	11,325,494,780
<b>Tổng cộng</b>	<b>20,898,934,585</b>	<b>185,146,938,616</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>20,898,934,585</b>	<b>185,146,938,616</b>
<b>5 Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<b>Tập đoàn</b>	<b>Tập đoàn</b>
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
<b>5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Số đầu năm	103,786,305	89,157,521
Phát sinh trong năm	246,122,390	263,460,793
Trừ: Kết chuyển chi phí trong kỳ	161,613,493	248,832,009
Trừ: Kết chuyển giảm khác	-	-
Số cuối năm	<b>188,295,202</b>	<b>103,786,305</b>
<b>5.2 Thuế GTGT được khấu trừ</b>		
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	10,930,321,741	18,977,196,054
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	716,879,444	260,880,075
<b>Cộng</b>	<b>11,647,201,185</b>	<b>19,238,076,129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.3 Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng	8,443,332,163	635,503,065
Đào Hùng Tiến	365,765,760	127,240,760
Nguyễn Tuấn Long	20,000,000	20,000,000
Ngô Xuân Kiên	16,415,000	16,415,000
Ban Quản lý Dự án	7,371,387,508	-
Phạm Phúc Hiếu	117,000,000	-
Đối tượng khác	552,763,895	471,847,305
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	53,000,000	139,991,188
Ký quỹ Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	138,281,188
Ký quỹ Ngân hàng Vietcombank	53,000,000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1,710,000
<b>Cộng</b>	<b>8,496,332,163</b>	<b>775,494,253</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>20,331,828,550</b>	<b>20,117,356,687</b>

**6 Tài sản cố định hữu hình:**

**6.1 Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh tại trang 36**

**6.2 Tài sản cố định vô hình: Xem thuyết minh tại trang 37**

**7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2008	<u>Tập đoàn</u> 01/01/2008
Dự An nhà xưởng tại Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung	59,304,241,199	1,814,750,000
Dự án Công Viên Phần Mềm Thủ Thiêm	3,911,171,620	-
Dự án khu Resort Kon Plong	177,669,589	-
Dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành	1,426,117,487	-
Dự án KCN Công nghệ Cao Đại Đồng - Hoàn Sơn	119,783,383,350	99,152,651,592
Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng	1,276,521,000	43,101,000
Khảo sát địa chất CT Nhà xưởng Lô A5	-	23,000,000
XD cơ bản khu đô thị mới Bắc Tân Lập	12,000,000	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>185,891,104,245</b>	<b>101,033,502,592</b>

**8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

<u>Tập đoàn</u> 31/12/2008	<u>Tập đoàn</u> 01/01/2008
-------------------------------	-------------------------------

**8.1 Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	55%	-
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	51%	31,690,000,000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina	52%	104,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b>135,690,000,000</b>
		<b>120,000,000,000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 8.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư	
(a) Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	50%	3,005,212,000	2,877,712,000
(b) Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam	40%	49,800,000,000	41,200,000,000
		<b>52,805,212,000</b>	<b>44,077,712,000</b>

(a) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) góp vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 134/ĐK-KHCN. Do Viện Công Nghệ đang trong giai đoạn triển khai, đầu tư ban đầu nên khoản đầu tư này vẫn được ghi nhận theo giá gốc

(b) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) - Đại diện là Ông Đặng Thành Tâm góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam với số vốn góp là 49.800.000.000 VNĐ chiếm 40% so với vốn điều lệ của Công ty Viễn Đông. Do Công ty Viễn Đông vẫn đang trong giai đoạn triển khai, đầu tư ban đầu nên khoản đầu tư này vẫn được ghi nhận theo giá gốc,

### 8.3 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
Tên công ty đầu tư dài hạn khác	Chi phí đầu tư	
Công ty CP ĐTXD & VLXD SG	5,000,000,000	5,000,000,000
Ngân hàng TMCP Miền Tây	208,050,000,000	183,000,000,000
Công ty CP Chứng Khoán Kim Long	-	30,000,000,000
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	200,000,000,000	200,000,000,000
Công ty CPĐT & PTHH Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn	21,000,000,000	21,000,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần ĐTPT Trường ĐHHV	5,000,000,000	5,000,000,000
Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành	16,000,000,000	-
Đầu tư dài hạn khác	83,745,525,000	83,245,025,000
<b>Cộng</b>	<b>553,795,525,000</b>	<b>542,245,025,000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>742,290,737,000</b>	<b>706,322,737,000</b>

### 9 Tài sản dài hạn khác

#### 9.1 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
Số dư đầu năm	519,735,749	127,727,651
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	24,939,880,033	650,555,723
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	1,707,285,332	258,547,625
Trừ: các khoản giảm trừ khác	-	-
Số dư cuối năm	<b>23,752,330,450</b>	<b>519,735,749</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**9.2 Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Đặt cọc thuê nhà	-	158,697,264
Ký quỹ điện thoại quốc tế	10,000,000	10,000,000
Ký quỹ Công ty xây dựng Cửu Long	-	14,502,600
Ký quỹ Công ty LD KCN VN - SIN	38,198,250	-
Ký quỹ ngân hàng	88,530,373	81,564,744
Chi tiền đặt cọc làm đại lý Viettel	15,000,000	15,000,000
Khoản ký cược dài hạn là tiền đặt cọc thuê nhà.	629,732,304	
<b>Cộng</b>	<b>781,460,927</b>	<b>279,764,608</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>24,533,791,377</b>	<b>799,500,357</b>

**10 Nợ ngắn hạn**

**10.1 Vay và nợ ngắn hạn**

Vay ngắn hạn (*)	21,000,000,000	142,313,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	19,693,090,909	6,224,000,000
<b>Cộng</b>	<b>40,693,090,909</b>	<b>148,537,000,000</b>

Chi tiết các khoản	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
NH Ngoại Thương Việt Nam - CN Phú Thọ	142,313,000,000	-	142,313,000,000	-
BIDV BANK	6,224,000,000	-	6,224,000,000	-
Cty ĐTPPT HT KCN	-	21,000,000,000	-	21,000,000,000
Vay DH đến hạn (-)	6,224,000,000	19,693,090,909	6,224,000,000	19,693,090,909
<b>Cộng</b>	<b>148,537,000,000</b>	<b>40,693,090,909</b>	<b>148,537,000,000</b>	<b>40,693,090,909</b>

(\*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

Khoản vay của Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn. theo hợp đồng vay vốn số 03-2008/HĐVV, ngày 24/11/2008.

Lãi suất: 0,01%/ tháng

Thời hạn cho vay: 06 tháng, ngày đáo hạn 24/5/2009.

(\*\*) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm

Ngân hàng Nam Việt (khoản vay 21 tỷ) :	2,624,000,000
Ngân Hàng Đầu Tư - dự án Kinh Bắc :	5,424,000,000
Ngân Hàng Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 25 tỷ) :	3,409,090,909
Ngân Hàng Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 35 tỷ) :	8,236,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19,693,090,909</b>

**10.2 Phải trả người bán**

<b>Nhà cung cấp trong nước</b>	<b>17,151,488,384</b>	<b>1,693,894,710</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Descon	700,000,000	1,230,641,050
Tổng công ty Viễn Thông Quân Đội	83,148,645	296,771,492
Cây xanh Đô thị Thùy Linh	-	33,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	20,000,000	20,000,000
Công ty TNHH Tin học Đen Phin 1	19,800,000	19,800,000
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	73,920,000	24,640,000
Tạp chí Tin học và Đời Sống	-	18,150,000
Công ty Liên Doanh KCN Việt Nam - Singapore	52,702,235	8,048,168
Bưu Điện Bình Dương	16,632,000	5,544,000
Công ty TNHH Schindler Việt Nam	33,330,330	-
Công ty TNHH TM TTNT Thành Vinh	100,000,000	-
Báo Sinh Viên Việt Nam	82,500,000	-
Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng KCN Cao Sài Gòn	126,000,000	-
Công ty TNHH Dịch thuật TM Asen	880,000	-
Công ty TNHH Quảng Cáo Cộng	51,150,000	-
Trung tâm Dịch vụ Viễn Thông II	6,400,000,000	-
Công ty Tư vấn Kiến Trúc Á Đông	-	12,000,000
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Delta	-	25,300,000
Chi nhánh Công ty MCC tại Bắc Ninh	7,666,039,600	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Sông Hồng	60,488,990	-
Công ty CP Kỹ thuật xây dựng và thương mại CET	347,000,000	-
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh	13,652,000	-
Đối tượng khác	1,304,244,584	-
<b>Nhà cung cấp ngoài nước</b>	<b>1,170,775,853</b>	<b>115,613,922</b>
Sonov Corporation	275,757,920	115,613,922
Quang Zhou Netgame Digital Technology LTD	895,017,933	-
<b>Cộng</b>	<b>18,322,264,237</b>	<b>1,809,508,632</b>

**10.3 Người mua trả tiền trước**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Kinh Bắc	988,038,493	1,341,082,734
Doanh thu nhận trước	666,075,185	640,963,777
Công ty TNHH SX TM Lan Phương	-	6,000,000
Công ty Cổ phần Giấy Tập Lệ Hoa	-	9,800,000
Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	2,085,893,599
Công ty TNHH Hayakawa Electronics Việt Nam	-	6,199,861,500
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn	-	4,000,000,000
Công ty TNHH Tabuchi Electric	-	1,703,394,826
Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn	41,007,312,300	-
Công ty Cổ phần Điện tử & Dịch vụ Công nghiệp	299,478,000	-
Các đối tượng khác	4,107,953,783	-
<b>Cộng</b>	<b>47,068,857,761</b>	<b>15,986,996,436</b>

**10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	11,318,764,794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,027,212,685	32,735,691,966

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thuế thu nhập cá nhân	217,581,340	26,033,333
<b>Cộng</b>	<b>2,244,794,025</b>	<b>44,080,490,093</b>
<b>10.5 Chi phí phải trả</b>		
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Lãi vay phải trả	1,589,611,778	1,087,265,785
Trích trước chi phí tòa nhà Quang Trung	-	1,534,230,230
Trích trước chi phí giá vốn hoạt động cho thuê lại đất và nhượng quyền sử dụng đất	138,947,023,950	123,686,399,951
Chi phí phải trả khác	974,111,728	282,570,190
<b>Cộng</b>	<b>141,510,747,456</b>	<b>126,590,466,156</b>
<b>10.6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	7,187,840	26,789,700
Bảo hiểm xã hội	41,236,378	(4,900)
Bảo hiểm y tế	2,294,400	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	159,426,137,828	182,502,184,580
Công ty CP PT Đô Thị Kinh Bắc	156,000,000,000	182,500,000,000
BHXH Quận 3	-	2,184,580
Ông Đặng Thành Tâm	500,000,000	-
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	2,859,780,384	-
Phải trả khác	66,357,444	-
<b>Cộng</b>	<b>159,476,856,446</b>	<b>182,528,969,380</b>
<b>11 Nợ dài hạn</b>		
<b>11.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,449,698,831	1,716,930,586
Công ty CP Điện tử và DV Công nghiệp	-	306,166,000
Ngân hàng TMCP Miền Tây	135,208,125	135,115,890
Công ty GHP	-	721,552,692
Ngân hàng TMCP Nam Việt	221,730,600	219,956,100
Công ty Nhật Minh	332,564,000	334,139,904
Công ty TNHH GHP FAR EAST	760,196,106	-
<b>Cộng</b>	<b>1,449,698,831</b>	<b>1,716,930,586</b>
<b>11.2 Vay và nợ dài hạn</b>		
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
Vay dài hạn	129,469,909,091	87,927,448,697
Vay ngân hàng	129,469,909,091	87,927,448,697
<b>Cộng</b>	<b>129,469,909,091</b>	<b>87,927,448,697</b>
Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
(a) BIDV Bank	17,640,000,000	23,064,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(b) NAVI Bank	44,000,000,000	61,087,448,697
(c) WESTERN Bank	60,000,000,000	10,000,000,000
(d) Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh	27,523,000,000	-
Trừ vay dài hạn đến hạn	19,693,090,909	6,224,000,000
<b>Cộng</b>	<b>129,469,909,091</b>	<b>87,927,448,697</b>

Chi tiết các khoản	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
BIDV BANK	23,064,000,000		5,424,000,000	17,640,000,000
NAVI BANK	61,087,448,697	21,000,000,000	38,087,448,697	44,000,000,000
WESTERN BANK	10,000,000,000	50,000,000,000	-	60,000,000,000
VIETCOMBANK	-	27,523,000,000	-	27,523,000,000
Trừ vay DH đến hạn	6,224,000,000	19,693,090,909	6,224,000,000	19,693,090,909
<b>Cộng</b>	<b>87,927,448,697</b>	<b>51,306,909,091</b>	<b>37,287,448,697</b>	<b>129,469,909,091</b>

Khoản vay dài hạn 17.640.000.000 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 00310/2005/0000220 ngày 02 tháng 05 năm 2005, trong hạn mức tín dụng (a) 55.200.000.000 VNĐ với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả, xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn bộ dự án Khu Công Nghiệp CNTT Kinh Bắc - Bắc Ninh, thời gian vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay dài hạn trên bao gồm:

Khoản vay dài hạn 21.000.000.000 Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 080762/TDTH ngày 19 tháng 08 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 21.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất + 6,8%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung Củ Chi, thời gian vay 60 tháng (ân hạn 12 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn 23.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 070234 ngày 21 tháng 08 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại bậc thang cao nhất + 1,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng chất lượng cao tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM, thời gian vay 72 tháng (ân hạn 18 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất của các lô đất tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi do Công ty Sài Gòn Tel làm chủ sở hữu.

Khoản vay dài hạn 35.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 5203/2008/HỆTD-DN.HCM ngày 29 tháng 3 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất (c) tiền tiết kiệm 12 tháng + 0,4%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, san lấp KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Khoản vay dài hạn 25.000.000.000 từ Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 2007/HĐTD-DN ngày 18 tháng 10 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng +1,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả 66 ha đất trong KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- (\*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VNĐ với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu (d) Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn giai đoạn 61,59 ha, thời hạn 36 tháng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

### 12 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: xem trang 38

b) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN

	31/12/2008	01/01/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	450,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	135,000,000,000	404,211,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	4,211,000,000
Vốn góp cuối năm	585,000,000,000	450,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) Trong kỳ, công ty chưa chia cổ tức năm 2008 .

d) Cổ phiếu	31/12/2008	01/01/2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	58,500,000	63,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	58,500,000	45,000,000
Cổ phiếu thường	58,500,000	45,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	5	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58,499,995	45,000,000
Cổ phiếu thường	58,499,995	45,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

### 13 Nguồn kinh phí và quỹ khác

	31/12/2008	01/01/2008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	690,159,273	86,716,939
<b>Tổng cộng</b>	<b>690,159,273</b>	<b>86,716,939</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Năm 2007
Doanh thu hoạt động thương mại	750,081,602,501	591,366,587,093
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	6,110,382,423	1,083,664,456
Doanh thu cho thuê lại đất	39,181,400,000	-
Doanh thu bán nhà xưởng	288,832,000,000	258,765,336,176
<b>Cộng</b>	<b>1,084,205,384,924</b>	<b>851,215,587,725</b>
+ Hàng bán bị trả lại	222,808,042,300	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>861,397,342,624</b>	<b>851,215,587,725</b>

#### 2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2008	Năm 2007
Giá vốn hoạt động thương mại	741,609,605,223	565,803,824,037
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	3,966,604,611	936,712,115
Giá vốn cho thuê lại đất	15,260,624,000	-
Giá vốn bán nhà xưởng	30,774,521,818	116,771,129,421
<b>Cộng</b>	<b>791,611,355,652</b>	<b>683,511,665,573</b>

#### 3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	337,442,310	-
Lãi cho vay	-	2,225,326,060
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,136,030,788	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20,269,200,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45,772,730	63,805,872
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	9,495,554	-
<b>Cộng</b>	<b>21,797,941,382</b>	<b>2,289,131,932</b>

#### 4 Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí lãi vay	3,121,760,236	1,215,070,126
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5,376,000,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68,923,172	254,413,819
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	70,070,370	-
Chi phí tài chính khác	205,699,623	22,127,863
<b>Cộng</b>	<b>8,842,453,401</b>	<b>1,491,611,808</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Chi phí bằng tiền khác	171,506,465	295,248,672
<b>Tổng Cộng</b>	<b>171,506,465</b>	<b>295,248,672</b>

**6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3,286,318,911	1,464,456,731
Chi phí vật liệu quản lý	427,262,920	56,167,593
Chi phí đồ dùng văn phòng	162,935,969	31,776,382
Chi phí khấu hao TSCĐ	648,547,032	467,092,829
Thuế, phí và lệ phí	9,418,803	7,200,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,433,777,312	1,011,573,422
Chi phí bằng tiền khác	1,830,964,441	508,601,290
<b>Cộng</b>	<b>7,799,225,388</b>	<b>3,546,868,247</b>

**7 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	7,242,576,448	-
Doanh thu Tài trợ chương trình Shaiya NH Nam Việt	-	221,468,182
Thu bán phế liệu	-	-
Thu nhập khác	196,722,295	493,067,627
<b>Cộng</b>	<b>7,439,298,743</b>	<b>714,535,809</b>

**8 Chi phí khác**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định	6,873,408,428	-
Chi phí tiền phạt vi phạm	-	39,800,000
Chi phí khác	441,597,146	16,396,735
<b>Cộng</b>	<b>7,315,005,574</b>	<b>56,196,735</b>

**9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74,895,036,269	165,317,664,431
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	225,250,379	30,000,000
- Các khoản điều chỉnh giảm	20,278,695,554	46,961,000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế</b>	<b>54,841,591,094</b>	<b>165,300,703,431</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	10% - 20% - 28%	10% - 20% - 28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>7,195,603,385</b>	<b>34,460,181,484</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	5,726,318,210	5,832,154,851
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1,469,285,175</b>	<b>28,628,026,633</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị là Công ty cổ phần mới thành lập, Được hưởng ưu đãi về đầu tư theo luật doanh nghiệp về chế độ miễn và giảm thuế theo quy định của Nhà nước

Đối với Văn phòng Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông Sài Gòn: Thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2002 đến năm 2012), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 28%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm (năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2004 đến năm 2009). Năm 2008 là năm thứ 5 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 28%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2008 là năm thứ 3 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với Chi Nhánh Công ty tại Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10%, Chi Nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Hoạt động khác có thuế suất thuế TNDN là 28%.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo và Công ty con: Thuế suất thuế TNDN là 28%.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.**

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

**1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.**

**2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ: không phát sinh.**

**3 Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Thành viên góp vốn	Góp vốn vào Dự Án 300 A-B Nguyễn Tất Thành và 84 Hùng Vương,	26,500,000,000	156,000,000,000
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ Tịch HĐQT	Vay tiền	500,000,000	500,000,000
Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	Tổng giám đốc	Cho vay tiền	69,000,000,000	
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Thành viên góp vốn	Trả tiền vay	69,000,000,000	
		Bán dịch vụ Web hosting, hệ thống mạng cáp thông tin		
		Thu tiền	10,834,338	
		Phải thu	363,878,579	988,038,493
Viện Công Nghệ Viễn Thông	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng	100,640,002	
		Thu tiền	100,563,661	

### 5 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

### 6 Những thông tin khác.

#### 6.1 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp và trình bày lại cho phù hợp với sự trình bày của năm hiện hành.

Trên Bảng Cân đối kế toán năm 2007, Công ty đã trình bày khoản Phải thu nội bộ và khoản phải trả nội bộ tại mã số 133 và 317 với số tiền là 172.979.266.655VNĐ. Số liệu này đã được loại trừ trong Bảng Cân đối kế toán năm 2008 ở cột số liệu so sánh.

#### 6.2 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2007
<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	17.77	29.19
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	82.23	70.81
<b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	44.46	50.33
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	55.54	49.67

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.25	1.99
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.53	0.68
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.13	0.02

### Tỷ suất sinh lời

#### Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	6.91	19.35
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6.77	16.00

#### Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6.14	13,65
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.02	11,29
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / NVCSH	%	10.85	22,72

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ MỸ HẠNH**

**HOÀNG SĨ HÓA**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

#### Tăng , giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSVH khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>			-	-	-
- Mua trong năm	-	-	1,557,922,812	-	1,557,922,812
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>			<b>1,557,922,812</b>		<b>1,557,922,812</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>			-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	57,860,599	-	57,860,599
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>			<b>57,860,599</b>		<b>57,860,599</b>
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1,500,062,213	-	1,500,062,213

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Máy móc thiết bị văn phòng</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36,594,390,539</b>	<b>19,059,551,573</b>	<b>1,415,044,187</b>	<b>624,051,287</b>	<b>57,693,037,586</b>
- Mua trong năm	2,238,383,437	5,729,934,777	1,355,721,291	398,351,611	9,722,391,116
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	117,595,244	10,385,095,476	447,002,002	-	10,949,692,722
- Giảm khác	6,583,604	-	-	-	6,583,604
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38,708,595,128</b>	<b>14,404,390,874</b>	<b>2,323,763,476</b>	<b>1,022,402,898</b>	<b>56,459,152,376</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>598,072,769</b>	<b>6,263,150,796</b>	<b>736,907,517</b>	<b>530,236,946</b>	<b>8,128,368,028</b>
- Khấu hao trong năm					3,977,070,308
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	111,715,497	3,514,016,318	14,900,066	-	3,640,631,881
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>486,357,272</b>	<b>2,749,134,478</b>	<b>722,007,451</b>	<b>530,236,946</b>	<b>8,464,806,455</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
- Tại ngày đầu năm	35,996,317,770	12,796,400,777	678,136,670	93,814,341	49,564,669,558
- Tại ngày cuối năm	38,222,237,856	11,655,256,396	1,601,756,025	492,165,952	47,994,345,921

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VNĐ.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 457.592.677 VNĐ

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**THUYẾT MINH BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Đơn vị tính : Đồng Việt Nam**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>-Số dư đầu năm trước</b>	<b>50,000,000,000</b>	-	-	-	<b>19,495,472,092</b>	<b>69,495,472,092</b>
-Tăng vốn trong năm trước	404,211,000,000	-	-	-	-	404,211,000,000
-Lãi trong năm trước	-	-	-	-	136,689,637,797	136,689,637,797
-Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng tr	-	-	-	-	2,100,000,000	2,100,000,000
-Giảm khác	4,211,000,000	-	-	-	2,593,690,257	6,804,690,257
<b>-Số dư cuối năm trước Số dư đầu năm nay</b>	<b>450,000,000,000</b>	-	-	-	<b>151,491,419,632</b>	<b>601,491,419,632</b>
-Tăng vốn trong năm nay	135,000,000,000	-	-	-	(135,000,000,000)	-
-Lãi trong năm nay	-	-	-	-	73,422,683,602	73,422,683,602
-Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	(50,000)	-	(50,000)
-Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm nay	-	-	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000
-Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>-Số dư cuối năm nay</b>	<b>585,000,000,000</b>	-	-	<b>(50,000)</b>	<b>87,914,103,234</b>	<b>672,914,053,234</b>